

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

---

*Hà Nội, tháng 07 năm 2013*



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT.....	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.....	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	10

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch	
Ông Bùi Xuân Trụ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2013
Ông Bùi Kỳ Phát	Thành viên	
Bà Phạm Thị Tuyết Lan	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2013
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên	
Bà Mai Thanh Hương	Thành viên	
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 29/04/2013
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 29/04/2013

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Kỳ Phát	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Luyến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Bùi Kỳ Phát**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013





Số: 330/2013/UHY - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 26/07/2013, trình bày từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty, áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và kiểm tra chọn mẫu các tài liệu liên quan đến Báo cáo tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như nêu tại Thuyết minh số 5 – Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong khoản mục phải thu khác bao gồm khoản 85.044.850.301 đồng là khoản phải thu liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên Phó Giám đốc thường trực Khối Tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ vay không đúng mục đích, hồ sơ vay giả để chiếm đoạt tiền của Công ty thông qua các giao dịch tại các ngân hàng từ năm 2007 đến năm 2012. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được kết luận chính thức của cơ quan điều tra liên quan đến vụ việc. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này cũng như ảnh hưởng của khoản này đến các khoản mục liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong giai đoạn 06 tháng đầu năm 2013, Công ty đã ghi nhận vào chi phí khác trên Báo cáo tài chính số tiền là 11.267.179.524 đồng (đây là các khoản thu nhập và chi phí còn sót từ các năm 2007 đến 2012 được phát hiện trong quá trình phân tích các tài liệu do các ngân hàng cung cấp liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng nêu trên) mà không xem xét điều chỉnh vào số dư đầu năm của các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
**Tổng Giám đốc**

GCNĐKHN kiểm toán số: 1226-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013*

**Hà Minh Long**  
**Kiểm toán viên**

GCNĐKHN kiểm toán số: 1221-2013-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>279.684.147.364</b>	<b>280.762.279.198</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.861.912.097	19.178.890.027
Tiền	111		3.986.912.097	19.178.890.027
Các khoản tương đương tiền	112		875.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		431.795.327	-
Đầu tư ngắn hạn	121		431.795.327	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.552.950.551	126.318.667.237
Phải thu khách hàng	131		43.765.217.349	11.907.334.125
Trả trước cho người bán	132		6.718.444.217	9.308.987.205
Các khoản phải thu khác	135	5	86.298.507.080	105.331.564.002
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(229.218.095)	(229.218.095)
Hàng tồn kho	140	6	132.764.140.860	131.092.286.637
Hàng tồn kho	141		133.244.207.340	133.308.272.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(480.066.480)	(2.215.985.821)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.073.348.529	4.172.435.297
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.647.621.964	2.421.612.811
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	927.079.121	1.361.306.243
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.498.647.444	389.516.243
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>360.798.000.693</b>	<b>337.523.856.592</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		358.692.158.415	334.971.550.765
Tài sản cố định hữu hình	221	8	59.321.971.017	57.286.809.898
- Nguyên giá	222		119.438.977.108	116.923.141.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.117.006.091)	(59.636.331.403)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	5.032.428.032	5.163.691.072
- Nguyên giá	225		5.337.706.489	5.208.542.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(305.278.457)	(44.851.337)
Tài sản cố định vô hình	227	10	6.800.904.097	6.886.202.971
- Nguyên giá	228		7.382.112.250	7.382.112.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.208.153)	(495.909.279)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	287.536.855.269	265.634.846.824
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.105.842.278	2.552.305.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.335.989.976	1.970.468.877
Tài sản dài hạn khác	268	13	769.852.302	581.836.950
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>640.482.148.057</b>	<b>618.286.135.790</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>536.757.178.980</b>	<b>509.358.043.016</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>183.804.646.549</b>	<b>174.001.531.536</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	104.696.340.770	144.118.480.499
Phải trả người bán	312		58.893.428.179	20.604.912.964
Người mua trả tiền trước	313		151.233.601	52.086.706
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		136.029.514	11.209.220
Phải trả người lao động	315		3.761.937.784	4.896.040.750
Chi phí phải trả	316		7.855.377.172	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	6.755.695.970	2.988.590.767
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.554.603.559	1.330.210.630
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>352.952.532.431</b>	<b>335.356.511.480</b>
Phải trả dài hạn khác	333	16	346.504.095.840	323.504.095.840
Vay và nợ dài hạn	334	17	6.448.436.591	10.311.415.640
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	1.541.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.724.969.077</b>	<b>108.928.092.774</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>103.724.969.077</b>	<b>108.928.092.774</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.657.465.867	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.104.122.710	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.806.130.187	3.010.435.910
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.822.024.858	16.924.965.542
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>640.482.148.057</b>	<b>618.286.135.790</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại (USD)			10.548,57	11.589,58

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc



Bùi Kỳ Phát



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	277.910.346.680	244.294.475.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	11.851.766.763	10.293.541.887
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	266.058.579.917	234.000.934.099
Giá vốn hàng bán	11	22	198.135.086.574	170.323.779.187
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.923.493.343	63.677.154.912
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	112.334.813	3.351.861.654
Chi phí tài chính	22	24	8.683.327.597	10.799.100.774
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.343.484.498	10.386.027.699
Chi phí bán hàng	24	25	35.664.831.070	42.040.871.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	6.711.112.155	8.231.432.580
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.976.557.334	5.957.611.765
Thu nhập khác	31	27	1.896.362.936	1.426.685.214
Chi phí khác	32	28	11.367.055.032	-
Lợi nhuận khác	40		(9.470.692.096)	1.426.685.214
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.505.865.238	7.384.296.979
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.683.840.380	1.856.074.245
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.822.024.858	5.528.222.734
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	987	1.108

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập

Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc



Bùi Kỳ Phát

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		246.128.733.728	190.625.451.084
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(184.481.793.152)	(173.021.672.991)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(20.236.429.905)	(21.837.605.552)
Tiền chi trả lãi vay	4		(8.220.214.596)	(10.386.027.699)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(1.158.940.331)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		29.751.216.486	390.474.984.744
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.238.394.458)	(234.623.952.415)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>54.544.177.772</b>	<b>141.231.177.171</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.015.702.710)	(42.154.582.471)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		309.550.000	240.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(423.328.752)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(273.597.333.333)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	228.150.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103.868.238	3.351.861.654
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.025.613.224)</b>	<b>(84.010.054.150)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		173.963.946.103	182.070.718.448
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(216.763.064.881)	(177.044.239.491)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(486.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.550.423.700)	(3.775.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(47.835.542.478)</b>	<b>1.251.278.957</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(14.316.977.930)</b>	<b>58.472.401.978</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>19.178.890.027</b>	<b>15.151.552.446</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.861.912.097</b>	<b>73.623.954.424</b>

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Kỳ Phát



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà, tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Stationery Joint Stock Company, tên viết tắt là HONG HA JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Văn Phòng Phẩm Hồng Hà được thành lập theo Quyết định số 383CNn/TCLĐ ngày 29/04/1993 và Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương). Công ty Văn Phòng Phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/08/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010462 ngày 28/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 0100100216 ngày 19/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 19/07/2013, vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu đồng).

Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và có các Chi nhánh và các địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

**Tên chi nhánh**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (TP Hà Nội) Mã số chi nhánh 0100100216-004

**Địa chỉ**

23-25 đường Yên Thế, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

47 Độc Lập, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tên địa điểm kinh doanh**

- Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2

- Địa điểm kinh doanh số 12  
Mã số địa điểm kinh doanh 00011

- Địa điểm kinh doanh số 13  
Mã số địa điểm kinh doanh 00012

- Địa điểm kinh doanh số 14  
Mã số địa điểm kinh doanh 00013

- Địa điểm kinh doanh số 15  
Mã số địa điểm kinh doanh 00014

- Địa điểm kinh doanh số 06  
Mã số địa điểm kinh doanh 00009

- Địa điểm kinh doanh số 03  
Mã số địa điểm kinh doanh 00006

- Địa điểm kinh doanh số 09  
Mã số địa điểm kinh doanh 00002

**Địa chỉ**

Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 1 – TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ki ốt 31-32 Ga Yên Viên, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Lanmark, tòa nhà Keangnam Tower, số 72 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Việt Tower, số 198B Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 375 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 3 TTTM Pico Mall, số 229 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 22B Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<b>Tên địa điểm kinh doanh</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Địa điểm kinh doanh số 11 Mã số địa điểm kinh doanh 00004	Số 123 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 05 Mã số địa điểm kinh doanh 00008	Số 352 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 07 Mã số địa điểm kinh doanh 00010	Ki ốt 14-15-16-17 B10 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 04 Mã số địa điểm kinh doanh 00007	Tầng 4 TTTM Vincom Galleries, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hà Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 444 người (tại 30/06/2012 là 487 người)

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
  - Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
  - Bán buôn chuyên doanh khác;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
  - May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
  - Hoạt động vui chơi giải trí khác;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
  - Bán buôn đồ uống;
  - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - In ấn;
  - Sản xuất khác;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng Công ty; Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh);
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác).
- (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và Báo cáo tài chính năm 2012, ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán về theo dõi quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Hiện tại, Công ty đang thực hiện tính khấu hao đối với một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06
Phương tiện vận tải	04

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, Công ty đã điều chỉnh giảm phần nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện phân bổ tối đa không quá 3 năm kể từ ngày 10/06/2013 theo hướng dẫn tại Thông tư này. Giá trị còn lại của các tài sản được phân loại lại là 470.728.470 đồng.

**3.7 THUÊ TÀI SẢN**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy in Offset 4 màu hiệu Roland Man.

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng đối với các tài sản thuộc sở hữu Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

**3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, thể hiện giá trị quyền sử dụng không thời hạn diện tích đất tại số nhà 23 – 25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất Công ty không thực hiện trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính trong thời gian 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê cửa hàng, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty phân bổ trong vòng hai năm.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng văn phòng phẩm, doanh thu cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 NGOẠI TỆ**

Trong năm, Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BT ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái mua vào của các ngân hàng mà Công ty có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được sử dụng để phân chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM**

Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, Công ty không được trích quỹ nữa và ghi nhận chi phí theo thực tế phát sinh.

**3.15 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Tổng Công ty Giấy Việt Nam đầu tư, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, và các cổ đông lớn khác của Công ty. Các thông tin về các Bên liên quan của Công ty được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 32.1.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	494.017.673	2.189.767.269
Tiền gửi ngân hàng	3.492.894.424	16.989.122.758
Các khoản tương đương tiền	875.000.000	-
	<b>4.861.912.097</b>	<b>19.178.890.027</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	384.340.646	327.518.367
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	13.392.000
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	85.044.850.301	96.312.029.825
Cổ tức 6 tháng đầu năm 2012 đã tạm ứng	-	4.716.880.000
Thuế GTGT - Tổng Công ty ĐTPT hạ tầng đô thị UDIC	-	3.205.742.364
Thuế GTGT phải thu Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	336.999.969
Phải thu khác	869.316.133	419.001.477
	<b>86.298.507.080</b>	<b>105.331.564.002</b>

(\*) Là số tiền được xác định là do đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên là Phó giám đốc thường trực Khối tài chính của Công ty) lập hồ sơ khống mang tên Công ty vay ngân hàng và thực hiện chiếm đoạt phục vụ cho mục đích cá nhân. Đối tượng Thắng đã bị cơ quan công an bắt tạm giam. Hiện nay, Công ty đang phối hợp với Cơ quan điều tra để xác định cụ thể giá trị bị chiếm đoạt và khả năng thu hồi để có phương án xử lý tài chính phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	44.584.783.681	35.555.361.040
Công cụ, dụng cụ	263.507.757	243.247.023
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	17.778.508.642	11.367.215.863
Thành phẩm	58.475.992.108	69.846.527.145
Hàng hoá	12.141.415.152	16.295.921.387
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>133.244.207.340</b>	<b>133.308.272.458</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**)</b>	<b>(480.066.480)</b>	<b>(2.215.985.821)</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b>132.764.140.860</b>	<b>131.092.286.637</b>

(\*) Giá trị nguyên liệu tồn tại xưởng chưa đưa vào sản xuất là 6.854.610.916 đồng.

(\*\*) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm của Công ty là: 1.735.919.341 đồng. Các trường hợp hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm của Công ty được xác định là do Công ty đã tiến hành thanh lý một số thành phẩm, hàng hóa và vật tư tồn kho kém phẩm chất.

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	828.502.450	1.353.402.499
Thuế thu nhập cá nhân	98.576.671	7.903.744
	<b>927.079.121</b>	<b>1.361.306.243</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>01/01/2013</b>	<b>54.163.507.596</b>	<b>55.511.105.632</b>	<b>5.129.064.200</b>	<b>2.119.463.873</b>	<b>116.923.141.301</b>
- Mua trong kỳ	-	84.064.000	-	563.542.835	647.606.835
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.724.899.102	-	-	-	5.724.899.102
- Thanh lý, nhượng bán	-	(932.278.107)	-	-	(932.278.107)
- Giảm khác theo TT 45	(92.532.273)	(2.103.968.635)	-	(727.891.115)	(2.924.392.023)
<b>30/06/2013</b>	<b>59.795.874.425</b>	<b>52.558.922.890</b>	<b>5.129.064.200</b>	<b>1.955.115.593</b>	<b>119.438.977.108</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>01/01/2013</b>	<b>(16.886.051.526)</b>	<b>(36.644.944.885)</b>	<b>(4.324.730.975)</b>	<b>(1.780.604.017)</b>	<b>(59.636.331.403)</b>
- Khấu hao trong kỳ	(1.400.562.475)	(2.030.795.005)	(284.262.738)	(106.783.503)	(3.822.403.721)
- Thanh lý, nhượng bán	-	888.065.480	-	-	888.065.480
- Giảm khác theo TT 45	70.257.755	1.811.557.673	-	571.848.125	2.453.663.553
<b>30/06/2013</b>	<b>(18.216.356.246)</b>	<b>(35.976.116.737)</b>	<b>(4.608.993.713)</b>	<b>(1.315.539.395)</b>	<b>(60.117.006.091)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>01/01/2013</b>	<b>37.277.456.070</b>	<b>18.866.160.747</b>	<b>804.333.225</b>	<b>338.859.856</b>	<b>57.286.809.898</b>
<b>30/06/2013</b>	<b>41.579.518.179</b>	<b>16.582.806.153</b>	<b>520.070.487</b>	<b>639.576.198</b>	<b>59.321.971.017</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 26.365.873.714 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2013	5.208.542.409	5.208.542.409
- Thuê tài chính trong kỳ	129.164.080	129.164.080
30/06/2013	<u>5.337.706.489</u>	<u>5.337.706.489</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2013	(44.851.337)	(44.851.337)
- Khấu hao trong kỳ	(260.427.120)	(260.427.120)
30/06/2013	<u>(305.278.457)</u>	<u>(305.278.457)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2013	<u>5.163.691.072</u>	<u>5.163.691.072</u>
30/06/2013	<u>5.032.428.032</u>	<u>5.032.428.032</u>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2013	6.708.372.500	673.739.750	7.382.112.250
- Mua trong kỳ	-	-	-
30/06/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>673.739.750</u>	<u>7.382.112.250</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2013	-	(495.909.279)	(495.909.279)
- Khấu hao trong kỳ	-	(85.298.874)	(85.298.874)
30/06/2013	-	<u>(581.208.153)</u>	<u>(581.208.153)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>177.830.471</u>	<u>6.886.202.971</u>
30/06/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>92.531.597</u>	<u>6.800.904.097</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>287.536.855.269</b>	<b>265.284.808.966</b>
+ Công trình nhà Cầu Đuống	-	5.612.634.288
+ Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
+ Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	287.523.268.269	259.658.587.678
<b>- Các công trình khác</b>	<b>-</b>	<b>350.037.858</b>
	<b>287.536.855.269</b>	<b>265.634.846.824</b>

(\*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hồng Hà và Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 16). Công trình được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 31/GPXD ngày 16/03/2011 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội. Tổng diện tích đất 3.173,6 m<sup>2</sup> được sử dụng theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh nội dung điều 1 tại Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 24/12/2007; Hợp đồng thuê đất số 214-08/HĐTĐTN ngày 12/05/2008; Phụ lục hợp đồng thuê đất số 33/PLHĐTĐ ngày 24/02/2011.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê cửa hàng	594.392.841	628.893.333
Chi phí khuôn mẫu nhà máy nhựa, lắp ráp, kim loại	170.168.665	315.584.000
Chi phí sửa chữa	-	57.492.650
Chi phí lắp đặt showroom	-	345.278.725
Phân loại lại tài sản theo TT45/2013/TT-BTC	470.728.470	
Chi phí trả trước dài hạn khác	100.700.000	623.220.169
	<b>1.335.989.976</b>	<b>1.970.468.877</b>

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	769.852.302	581.836.950
	<b>769.852.302</b>	<b>581.836.950</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>87.227.956.635</b>	<b>136.539.480.499</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	56.843.693.144	84.622.941.630
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (2)	1.860.038.495	15.334.203.098
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (3)	17.691.347.475	20.045.823.748
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Đông Đô	-	10.793.781.415
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	5.742.730.608
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (4)	10.832.877.521	-
<b>Vay ngắn hạn cá nhân (5)</b>	<b>17.468.384.135</b>	<b>7.579.000.000</b>
	<b>104.696.340.770</b>	<b>144.118.480.499</b>

(1) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương, với lãi suất từ 9,8%- 10,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(2) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất từ 13,5% - 15,1%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(3) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành với lãi suất từ 11% - 11,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(4) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Long Biên với lãi suất từ 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(5) Các khoản huy động vốn cán bộ công nhân viên trong Công ty, với thời hạn dưới một năm, lãi suất áp dụng trong 6 tháng đầu năm 2013 là 10,5%/năm.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	640.872.598	467.473.539
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.013.695.042	2.402.117.228
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.128.330	119.000.000
	<b>6.755.695.970</b>	<b>2.988.590.767</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	233.229.050.440	210.229.050.440
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding	110.275.045.400	110.275.045.400
	<u><b>346.504.095.840</b></u>	<u><b>323.504.095.840</b></u>

Là các khoản góp vốn liên quan đến công trình xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và Giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (trình bày tại thuyết minh số 11). Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa một bên là Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hồng Hà và Tổng Công ty Giấy Việt Nam với các bên là Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008 ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà và Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: Công ty Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tạm tính là 3.932 m<sup>2</sup> các sàn tầng 3, tầng 4, tầng 5 và tầng 6 (mỗi sàn 983 m<sup>2</sup>) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 5 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 5 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng.
- Hợp đồng số 18/2009/HĐHTKD ngày 27/03/2009 ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tổng diện tích tạm tính 2.040,17 m<sup>2</sup> bao gồm 3 tầng sàn (tầng 1, tầng 2 và tầng 3) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng.
- Hợp đồng số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009 ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Building: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần tầng quy mô chiều cao của tòa nhà từ 9 tầng lên 13 tầng để khai thác kinh doanh tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.788,8m<sup>2</sup> bao gồm 2 tầng sàn (tầng 4 và tầng 5) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền và tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.484,4m<sup>2</sup> bao gồm 2 tầng sàn (tầng 7 và tầng 8) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau hoàn thành giai đoạn xin cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành công việc xây dựng. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.227.436.941</b>	<b>6.604.415.990</b>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (1)</i>	<i>3.227.436.941</i>	<i>4.192.769.139</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	-	<i>2.411.646.851</i>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.220.999.650</b>	<b>3.706.999.650</b>
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)</i>	<i>3.220.999.650</i>	<i>3.706.999.650</i>
	<b>6.448.436.591</b>	<b>10.311.415.640</b>

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/10/TH/VND/VCB.TX-VPP HH ký ngày 02/03/2012, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất 12,6%-14,9%/năm.
- (2) Khoản nợ thuê tài chính máy in Offset 4 màu nhập khẩu từ Đức, hiệu: Roland 704+L theo hợp đồng thuê tài chính số 56/2012/TSC-CTTC ngày 27/09/2012 và văn bản điều chỉnh bổ sung hợp đồng số 01-56/2012/TSC-CTTC ngày 13/11/2012. Thời gian thuê: 48 tháng từ ngày 30/10/2012 đến ngày 30/10/2016. Lãi suất cho thuê được xác định bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 4% nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Tổng giá trị tài sản thuê bao gồm thuế GTGT là 5.153.524.650 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

**17.1 VAY DÀI HẠN**

Nội dung	30/06/2013			01/01/2013		
	Tổng	Vay dài hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Tổng số	Vay dài hạn	Vay dài hạn đến hạn trả
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	3.227.436.941	3.227.436.941	-	4.192.769.139	4.192.769.139	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	-	-	2.411.646.851	2.411.646.851	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3) - Nợ dài hạn thuê tài chính Máy in offset Roland M	3.220.999.650	3.220.999.650	-	3.706.999.650	3.706.999.650	-
	<b>6.448.436.591</b>	<b>6.448.436.591</b>	<b>-</b>	<b>10.311.415.640</b>	<b>10.311.415.640</b>	<b>-</b>

**17.2 CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thời hạn	30/06/2013			01/01/2013		
	Tổng khoản thuê tài chính phải trả	Lãi thuê tài chính phải trả	Gốc nợ thuê tài chính phải trả	Tổng khoản thuê tài chính phải trả	Lãi thuê tài chính phải trả	Gốc nợ thuê tài chính phải trả
- Từ 1 năm trở xuống	1.366.345.420	394.345.420	972.000.000	-	-	-
- Từ 1 năm đến 5 năm	2.632.314.860	383.315.210	2.248.999.650	4.805.677.788	1.098.678.138	3.706.999.650
- Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
	<b>3.998.660.280</b>	<b>777.660.630</b>	<b>3.220.999.650</b>	<b>4.805.677.788</b>	<b>1.098.678.138</b>	<b>3.706.999.650</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>01/01/2012</b>	<b>47.190.000.000</b>	<b>15.607.080.000</b>	<b>16.749.278</b>	<b>10.619.018.249</b>	-	<b>2.330.953.371</b>	<b>13.589.650.787</b>	<b>89.353.451.685</b>
- Tăng vốn trong năm	11.771.000.000	1.887.600.000	-	-	-	-	-	13.658.600.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	15.873.885.546	15.873.885.546
- Tăng khác	-	-	6.040.941	-	-	-	40.000.000	46.040.941
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (1)	-	-	-	2.038.447.618	-	679.482.539	(5.028.170.791)	(2.310.240.634)
- Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(7.550.400.000)	(7.550.400.000)
- Giảm khác	-	(120.454.545)	(22.790.219)	-	-	-	-	(143.244.764)
<b>31/12/2012</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>-</b>	<b>12.657.465.867</b>	<b>-</b>	<b>3.010.435.910</b>	<b>16.924.965.542</b>	<b>108.928.092.774</b>
<b>01/01/2013</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>-</b>	<b>12.657.465.867</b>	<b>-</b>	<b>3.010.435.910</b>	<b>16.924.965.542</b>	<b>108.928.092.774</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.822.024.858	5.822.024.858
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (2)	-	-	-	-	5.104.122.710	795.694.277	(7.491.205.542)	(1.591.388.555)
- Chi trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	(9.433.760.000)	(9.433.760.000)
<b>30/06/2013</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>-</b>	<b>12.657.465.867</b>	<b>5.104.122.710</b>	<b>3.806.130.187</b>	<b>5.822.024.858</b>	<b>103.724.969.077</b>

(1) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2012.

(2) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Tổng Công ty Giấy Việt Nam	24.500.850.000	24.500.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.460.150.000	34.460.150.000
	<b>58.961.000.000</b>	<b>58.961.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	58.961.000.000	47.190.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	9.438.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	58.961.000.000	56.628.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.433.760.000	7.550.400.000

**18.4 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.5 CÁC QUỸ**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	12.657.465.867	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	5.104.122.710	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.806.130.187	3.010.435.910

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với mục tiêu đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của đơn vị phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với mục tiêu bù đắp các khoản tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc bù đắp các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	277.185.737.594	243.051.766.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	724.609.086	1.242.709.086
	<b>277.910.346.680</b>	<b>244.294.475.986</b>

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	11.754.098.008	10.172.189.834
Hàng bán bị trả lại	97.668.755	121.352.053
	<b>11.851.766.763</b>	<b>10.293.541.887</b>

**21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần	266.058.579.917	234.000.934.099
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	265.333.970.831	232.758.225.013
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	724.609.086	1.242.709.086

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm, nguyên vật liệu	198.135.086.574	170.323.779.187
	<b>198.135.086.574</b>	<b>170.323.779.187</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	94.361.729	647.118.599
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.506.509	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.466.575	2.704.743.055
	<b>112.334.813</b>	<b>3.351.861.654</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	8.343.484.498	10.386.027.699
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	339.843.099	413.073.075
	<b>8.683.327.597</b>	<b>10.799.100.774</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.317.469.414	7.601.294.543
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	33.720.470	103.915.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	457.774.012	559.559.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.776.295.387	5.574.856.437
Chi phí bằng tiền khác	24.079.571.787	28.201.245.742
	<b>35.664.831.070</b>	<b>42.040.871.447</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.990.602.706	4.133.238.896
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.770.819	37.884.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	844.140.354	1.049.989.424
Thuế, phí, lệ phí	185.125.894	48.771.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.809.788	605.378.059
Chi phí bằng tiền khác	1.493.662.594	2.356.170.928
	<b>6.711.112.155</b>	<b>8.231.432.580</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu tiền nhượng bán thanh lý tài sản cố định	303.454.546	240.000.000
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.541.000.000	-
Nhận hỗ trợ đền bù Công trình 25 Lý Thường Kiệt từ Ngân hàng Công thương	-	1.094.587.529
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	-	60.645.000
Thu nhập khác	51.908.390	31.452.685
	<b>1.896.362.936</b>	<b>1.426.685.214</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	44.212.627	-
Phạt chậm thanh toán	-	-
Chi phí giai đoạn 2007-2012 ghi nhận bổ sung (*)	11.267.179.524	-
Chi phí khác	55.662.881	-
	<b>11.367.055.032</b>	<b>-</b>

(\*) Là các khoản thu nhập và chi phí còn sót từ các năm 2007 đến 2012 được phát hiện trong quá trình phân tích các tài liệu do các ngân hàng cung cấp liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng như đã nêu ở Thuyết minh số 5. Việc điều chỉnh vào đầu năm là tương đối phức tạp, do đó, Công ty ghi nhận vào chi phí năm 2013. Chi tiết phát sinh chi phí cho từng năm như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CHI PHÍ KHÁC (TIẾP)**

	Lãi tiền gửi ngân hàng VND	Chi phí quản lý doanh nghiệp VND	Chi phí lãi vay VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng Cộng VND
Năm 2007	(11.247.581)	(834.005.483)	92.248.682	12.895.133	(740.109.249)
Năm 2008	(25.576.431)	(375.421.071)	212.052.871	168.010.662	(20.933.969)
Năm 2009	(42.246.664)	744.151.371	258.001.367	187.573.717	1.147.479.791
Năm 2010	(602.734.176)	425.096.773	15.835.024	639.583.159	477.780.780
Năm 2011	(146.559.792)	4.551.484.404	166.409.316	278.313.565	4.849.647.493
Năm 2012	(25.014.374)	5.236.504.323	376.126.654	(34.301.925)	5.553.314.678
	<b>(853.379.018)</b>	<b>9.747.810.318</b>	<b>1.120.673.914</b>	<b>1.252.074.310</b>	<b>11.267.179.524</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.505.865.238</b>	<b>7.384.296.979</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>7.505.865.238</b>	<b>7.384.296.979</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế	5.964.861.521	7.384.296.979
Thuế suất	25%	25%
- Hoàn nhập quỹ nghiên cứu khoa học công nghệ trích từ năm 2010	1.541.000.000	-
Thuế suất (25% x 50%)	12,5%	-
<b>Lợi nhuận bổ sung năm 2011</b>	-	<b>40.000.000</b>
Thuế suất	-	25%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.683.840.380</b>	<b>1.856.074.245</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.683.840.380</b>	<b>1.856.074.245</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.322.566.604	87.579.928.013
Chi phí nhân công	17.798.116.038	20.628.813.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.168.129.715	4.531.353.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.218.153.248	7.129.612.860
Chi phí khác bằng tiền	30.264.277.426	33.479.499.476
	<b>150.771.243.031</b>	<b>153.349.207.944</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**30.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.822.024.858	5.528.222.734
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	5.896.100	4.990.147
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>987</b>	<b>1.108</b>

**30.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	5.896.100	4.719.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	943.800
Phát hành ngày	-	-
Ngày 09/05/2012	-	943.800
Cổ phiếu quỹ	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm</b>	<b>5.896.100</b>	<b>4.990.147</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.861.912.097	19.178.890.027
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	431.795.327	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	129.834.506.334	117.009.680.032
	<b>135.128.213.758</b>	<b>136.188.570.059</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	111.144.777.361	154.429.896.139
Phải trả người bán	58.893.428.179	20.604.912.964
Chi phí phải trả	7.855.377.172	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.755.695.970	2.988.590.767
	<b>184.649.278.682</b>	<b>178.023.399.870</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(49.521.064.924)</b>	<b>(41.834.829.811)</b>

Tại ngày 30/06/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD như bảng dưới đây:

	30/06/2013			01/01/2013		
	USD	EUR	VND tương đương	USD	EUR	VND tương đương
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền gửi ngân hàng	10.548,57	-	219.680.114	11.590,58	-	241.700.691
	<b>10.548,57</b>	<b>-</b>	<b>219.680.114</b>	<b>11.590,58</b>	<b>-</b>	<b>241.700.691</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả người bán	428,34	-	8.937.313	-	-	-
	<b>428,34</b>	<b>-</b>	<b>8.937.313,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị ròng</b>	<b>10.120,23</b>	<b>-</b>	<b>210.742.801</b>	<b>11.590,58</b>	<b>-</b>	<b>241.700.691</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty cho thuê tài chính và các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì tỷ lệ dư nợ vay hợp lý.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>30/06/2013</b>				
Vay và nợ ngắn/dài hạn	-	104.696.340.770	6.448.436.591	111.144.777.361
Phải trả người bán	-	58.893.428.179	-	58.893.428.179
Chi phí phải trả	7.855.377.172	-	-	7.855.377.172
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	6.755.695.970	-	6.755.695.970
	<b>7.855.377.172</b>	<b>170.345.464.919</b>	<b>6.448.436.591</b>	<b>184.649.278.682</b>
<b>01/01/2013</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	144.118.480.499	10.311.415.640	154.429.896.139
Phải trả người bán	-	20.604.912.964	-	20.604.912.964
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	2.988.590.767	-	2.988.590.767
	-	<b>167.711.984.230</b>	<b>10.311.415.640</b>	<b>178.023.399.870</b>

Công ty không tồn tại khoản nợ phải trả tài chính nào quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/06/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.861.912.097	-	4.861.912.097
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	431.795.327	431.795.327
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	129.834.506.334	129.834.506.334
	<b>4.861.912.097</b>	<b>130.266.301.661</b>	<b>135.128.213.758</b>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	-	19.178.890.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	117.009.680.032	117.009.680.032
	<b>19.178.890.027</b>	<b>117.009.680.032</b>	<b>136.188.570.059</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ) VND	Không quá hạn		Tổng
		Bị suy giảm giá trị VND	Không bị suy giảm giá trị VND	
<b>30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.861.912.097	-	4.861.912.097	4.861.912.097
Các khoản đầu tư tài chính	431.795.327	-	431.795.327	431.795.327
Các khoản phải thu ngắn hạn	130.063.724.429	229.218.095	129.834.506.334	130.063.724.429
	<b>135.357.431.853</b>	<b>229.218.095</b>	<b>135.128.213.758</b>	<b>135.357.431.853</b>
<b>01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	-	19.178.890.027	19.178.890.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	117.238.898.127	229.218.095	117.009.680.032	117.238.898.127
	<b>136.417.788.154</b>	<b>229.218.095</b>	<b>136.188.570.059</b>	<b>136.417.788.154</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính được xác định là có suy giảm giá trị và dự phòng giảm giá trị liên quan chi tiết như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>30/06/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.861.912.097	-	4.861.912.097
Các khoản đầu tư tài chính	431.795.327	-	431.795.327
Các khoản phải thu ngắn hạn	129.834.506.334	-	129.834.506.334
	<u>135.128.213.758</u>	<u>-</u>	<u>135.128.213.758</u>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	-	19.178.890.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	117.009.680.032	-	117.009.680.032
	<u>136.188.570.059</u>	<u>-</u>	<u>136.188.570.059</u>

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch với bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>2.019.514.715</b>	<b>1.523.797.349</b>
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	29.415.110	12.176.319
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	75.753.907	-
- Công ty Cổ phần in Phúc Yên	1.914.345.698	1.511.621.030
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>24.770.656.010</b>	<b>27.212.102.717</b>
- Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	1.766.018.592	-
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	14.002.870.560	25.444.253.042
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	8.818.230.222	1.765.790.475
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	183.536.636	2.059.200
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.209.000.000</b>	<b>2.383.894.968</b>
- Lương và phụ cấp	1.209.000.000	2.383.894.968

Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2013 như sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>15.488.682.957</b>	<b>7.232.068.403</b>
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	5.726.372.635	6.708.415.767
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	9.762.310.322	523.652.636



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán và số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm 2012 chưa được soát xét.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013

**Người lập**



**Nguyễn Quang Vũ**

**Kế toán trưởng**



**Ngô Thị Minh Luận**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Kỳ Phát**

